TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2021
Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Lưu Hồng Hiếu.
2. Ông Phạm Xuân Vạn.

- Thư ký phiên toà: Bà Lý Thị Mỹ Hằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T; vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ X, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Anh Trần Thiện Đ; vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ X, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Người làm chứng: Bà Trần Thị H; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ X, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Ngày 11/12/2014 chị và anh Trần Thiện Đ đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, động viên nhưng cuộc sống chung vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Chị T đã từng 02 lần khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng do anh Đ hứa sẽ thay đổi cách sống nên chị rút đơn về đoàn tụ nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không thay đổi. Nay chị thấy không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nữa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn dứt điểm.

Quá trình chung sống, chị và anh Đ có 01 con chung tên là Trần Lê Thiện N, sinh ngày 30/4/2017. Hiện chị có công việc và mức thu nhập hàng tháng ổn định (thu nhập từ lương, trung bình 9.800.000đ/01tháng), chị đủ khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T yêu cầu Tòa án án giải quyết giao con chung cho chị nuôi dưỡng và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2000.000đ/01tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung.

Bị đơn anh Trần Thiện Đ trình bày:

Anh Đ thừa nhận trong cuộc sống anh và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, lý do mẫu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách làm ăn kinh tế, cách nuôi dạy con và cách cư xử giữa mẹ chồng nàng dâu. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên anh đồng ý ly hôn chị T.

Anh Đ cho rằng chị T còn trẻ nên sẽ có hạnh phúc mới, không có điều kiện chăm sóc con chung là Trần Lê Thiện N, nếu giao con cho chị T thì sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con, anh Đ không đồng ý cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện tại anh không có nghề nghiệp, tuy nhiên anh được bố mẹ cho 4,5ha đất rẫy đã trồng cây cà phê tại tổ dân phố Nghĩa H, xã Q, thành phố Gia Nghĩa (chưa làm thủ tục tặng cho theo quy định pháp luật). Anh đang đầu tư, chăm sóc toàn bộ đất rẫy này, cuối mỗi năm thu hoạch được 06 tấn cà phê, tương đương 200.000.000đ/01 năm. Sau khi ly hôn anh Đ về nhà bố mẹ ở nên cháu N sẽ được ông bà nội quan tâm, chăm sóc hàng ngày. Do đó, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung.

Người làm chứng bà Trần Thị H trình bày:

Sau khi kết hôn, anh Đ và chị T ở chung nhà với bà đến tháng 8/2020 thì dọn ra ở riêng. Trong thời gian sống chung với bà, chị T đã 03 lần tự ý thu dọn áo quần bỏ nhà đi. Sau những lần bỏ đi, được chị em bên nhà chị T động viên nên anh Đ đón chị T về. Bà cũng đã khuyên nhủ, động viên, hàn gắn nhiều lần, thậm chí có trao đổi với bố mẹ chị T để cùng nhau bảo ban, giáo dục, hàn gắn nhưng vợ chồng anh Đ, chị T chỉ vui vẻ, hòa hợp một thời gian gắn, sau đó lại xảy ra mâu thuẫn. Nếu giải quyết cho chị T, anh Đ ly hôn thì bà đề nghị Tòa án xem xét đến nguyện vọng được nuôi con của anh Đức, bà sẽ hỗ trợ thời gian, tiền bạc và cùng anh Đức chăm sóc cháu Trần Lê Thiện Nhân chu đáo.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51,

khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết được ly hôn với anh Trần Thiện Đức. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Thiện Nhân cho chị Tuyết trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Đức có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và được nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết và anh Trần Thiện Đức kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông vào ngày 11/12/2014. Do đó, có căn cứ xác định đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống, giữa chị Tuyết và anh Đức thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị Tuyết đã hai lần khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng rút đơn để đoàn tụ, hàn gắn mâu thuẫn nhưng cuộc sống chung vợ chồng vẫn không hạnh phúc. Hiện tại tình trạng hôn nhân giữa chị Tuyết và anh Đức vẫn mâu thuẫn, tình cảm, tình yêu thương dành cho nhau không còn. Đây là lần thứ ba chị Tuyết làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Dó đó, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Tuyết và anh Đức đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh Đức cũng đồng ý ly hôn chị Tuyết. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ly hôn của chị Tuyết và công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tuyết và anh Đức.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Tuyết và anh Đức có con chung là cháu Trần Lê Thiện Nhân, sinh ngày 30/4/2017. Chị Tuyết và anh Đức đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, của người làm chứng, HĐXX xét thấy, chị Tuyết có công việc ổn định, là nhân viên tư vấn sản phẩm của Công ty cổ phần Tập đoàn Karofi, hiện đang làm việc tại siêu thị điện máy xanh (địa chỉ tại phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông), có mức thu nhập từ 5.610.000 đồng – 9.399.000 đồng/tháng. Anh Đức không có nghề nghiệp, hiện đang canh tác, chăm sóc cây cà phê trên 4,5ha đất rẫy

của bố mẹ hứa cho (chưa hoàn thành thủ tục tặng cho theo quy định pháp luật), thu nhập hàng tháng không ổn định, thu hoạch cuối mỗi năm khoảng 06 tấn cà phê, tương đương khoảng 200.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định chị Tuyết có điều kiện (thời gian, kinh tế) có phần tốt hơn anh Đức. Hơn nữa cháu Nhân còn nhỏ (tại thời điểm xét xử mới hơn 04 tuổi) nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ trong sinh hoạt, phát triển thể chất, giới tính và tâm lý của cháu. Để đảm bảo các điều kiện cần thiết cho cháu Nhân phát triển bình thường, đồng thời tuân thủ quy định và nguyên tắc của chế độ hôn nhân và gia đình, ưu tiên bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, trẻ em nên cần thiết giao cháu Nhân cho chị Tuyết trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh Đức có quyền đi lại thăm nom con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Tuyết yêu cầu anh Trần Thiện Đức cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng:

"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người được giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yêu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết..."

Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định phương thức cấp dưỡng:

"Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần.

Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết".

Tại điểm 2, mục III Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn: Mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới ½ mức lương cơ bản do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con.

Tại Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/05/2019 quy định mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Tuyết là có căn cứ, tuy nhiên mức yêu cầu cấp dưỡng chưa phù hợp. Do đó cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Tuyết, buộc anh Đức cấp dưỡng nuôi con chung với mức 800.000 đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tuyết, anh Đức không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do các đương sự đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu ly hôn; anh Đức phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 338 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Áp dụng các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Tuyết và anh Trần Thiện Đức. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Tuyết và anh Trần Thiện Đức chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Trần Lê Thiện Nhân, sinh ngày 30/4/2017 cho chị Lê Thị Tuyết trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Trần Thiện Đức là người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Thiện Đức cấp dưỡng nuôi con là Trần Lê Thiện Nhân, sinh ngày 30/4/2017 với mức 800.000 đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Lê Thiện Nhân đủ 18 tuổi.

2. Về án phí:

Chị Lê Thị Tuyết phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị Tuyết được nhận lại số tiền 225.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007055 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Anh Trần Thiện Đức phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS Tp Gia Nghĩa;
- UBND phường Nghĩa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thắm